

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG 1**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG 1

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NUMBER ONE TRANSPORT CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NO.1 TRANSPORT CONSTRUCTION CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110321045

**3. Ngày thành lập:** 14/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 548 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 36522907

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                   | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                           | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                          | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                        | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                                               | 4530     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                       | 4659     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ<br>kinh doanh theo đúng qui định pháp luật                                             | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                               | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                     | 4669     |
| 10. | Khai thác quặng sắt<br>(Chỉ thực hiện khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho<br>phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật)                                             | 0710     |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,<br>chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                         | 6810     |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản. | 6820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình giao thông<br>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm: đường bộ, đường sắt, cầu – hầm, đường thủy nội địa - hàng hải;<br>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: Cấp nước - Thoát nước; xử lý chất thải rắn | 7110        |
| 14. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>(Chi thực hiện khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0722        |
| 15. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm<br>(Chi thực hiện khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0730        |
| 16. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0810        |
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2392        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2393        |
| 19. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2395        |
| 20. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4291        |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4292        |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4293        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4299(Chính) |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH LIÊN HỢP XÂY DỰNG VẠN CƯỜNG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0500297165

Do: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế Cấp ngày: 08/04/1992  
hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 1, khu ga Đỗ Xá, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI TU THẾ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034078000099

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 27A ngách 128 ngõ 14 đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 27A ngách 128 ngõ 14 đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội